

BẢN SAO

TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV
PHÂN ĐẠM VÀ HÓA CHẤT HÀ BẮC
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

CÔNG TY

Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc tiền thân là công ty Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc được thành lập theo Quyết định số 38/2006/QĐ-BCN ngày 20 tháng 10 năm 2006 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH Một thành viên với mã số doanh nghiệp là 2400120344 cấp lần đầu ngày 21 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 12/04/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp.

Vốn điều lệ của công ty là: 2.000.000.0000 đồng (*Hai nghìn tỷ đồng*)

Công ty có trụ sở chính tại đường Trần Nguyên Hãn, phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

Công ty con

Tên	Trụ sở
Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng phát Hà Bắc	Phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
<i>Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ</i>	<i>64,56%</i>
<i>Quyền biểu quyết của công ty mẹ</i>	<i>64,56%</i>

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Tình hình tài chính tại ngày 31/12/2013 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc được trình bày trong Báo cáo tài chính từ trang 05 đến trang 30 kèm theo.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Thành viên, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Thành viên	Ông Phan Văn Tiền	Chủ tịch (Bổ nhiệm từ ngày 01/03/2013)
	Ông Đỗ Doãn Hùng	Thành viên (Chủ tịch HĐQT từ 01/01 đến 28/02/2013)
	Ông Phạm Văn Trung	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 01/03/2013)
	Bà Nguyễn Thị Thanh Minh	Thành viên
	Ông Đỗ Minh Sơn	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 01/03/2013)
Ban Tổng Giám đốc	Ông Đỗ Doãn Hùng	Tổng Giám đốc
	Ông Phan Văn Tiền	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 28/2/2013)
	Ông Đỗ Minh Sơn	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Đức Ninh	Phó Tổng Giám đốc

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

	Ông Phạm Văn Trung	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 10/04/2013)
Ban Kiểm soát	Ông Nguyễn Văn Hiệu	Kiểm soát viên (miễn nhiệm từ 14/4/2013)
	Bà Lương Thị Anh Đào	Kiểm soát viên
	Ông Nguyễn Tổng Luận	Kiểm soát viên
	Ông Nguyễn Văn Đông	Kiểm soát viên (bổ nhiệm từ 15/4/2013)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Tư vấn Thuế, Kế toán và Kiểm toán AVINA- IAFC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013 cho Công ty và tiếp tục nguyện vọng kiểm toán cho các năm tiếp theo.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Đỗ Doãn Hùng
Tổng Giám đốc

Bắc Giang, ngày 15 tháng 3 năm 2014

Số : 21 /2014/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

**Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc, được lập ngày 15 tháng 3 năm 2014, từ trang 05 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Quốc Hùng
Giám đốc

Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0295-2013-146-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THUẾ, KẾ TOÁN & KIỂM TOÁN AVINA -IAFC

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2014

Đinh Thế Hùng
Kiểm toán viên

Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 1917-2013-146-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.570.713.557.911	2.274.186.696.734
I- Tiền và các khoản tương đương	110	3	1.001.447.895.328	1.432.444.224.800
1. Tiền	111		67.836.895.328	64.833.224.800
2. Các khoản tương đương tiền	112		933.611.000.000	1.367.611.000.000
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		10.000.000.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	4	10.000.000.000	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		69.295.469.314	353.773.661.365
1. Phải thu khách hàng	131		23.636.798.094	185.787.048.531
2. Trả trước cho người bán	132		33.786.076.973	156.018.539.464
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		689.590.411	669.339.549
4. Các khoản phải thu khác	135	5	11.341.498.336	11.457.228.321
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(158.494.500)	(158.494.500)
IV- Hàng tồn kho	140	6	445.774.881.006	463.292.091.485
1. Hàng tồn kho	141		445.774.881.006	463.292.091.485
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		44.195.312.263	24.676.719.084
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.368.646.087	4.461.499.274
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		42.593.104.376	20.063.526.810
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		233.561.800	151.693.000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		6.794.324.058.473	1.805.123.079.160
I- Tài sản cố định	220		6.755.479.704.957	1.772.544.001.912
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	238.569.012.264	65.370.032.871
- Nguyên giá	222		1.101.087.667.564	894.920.799.359
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(862.518.655.300)	(829.550.766.488)
2. Tài sản cố định vô hình	227	8	1.448.614.445	900.803.750
- Nguyên giá	228		6.764.575.000	2.901.275.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.315.960.555)	(2.000.471.250)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	6.515.462.078.248	1.706.273.165.291
II- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	10	27.089.961.143	29.149.597.203
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		3.561.461.143	5.621.097.203
2. Đầu tư dài hạn khác	258		23.528.500.000	23.528.500.000
III- Tài sản dài hạn khác	260		11.754.392.373	3.429.480.045
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	8.814.838.048	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	12	2.939.554.325	3.429.480.045
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		8.365.037.616.384	4.079.309.775.894

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
A- NỢ PHẢI TRẢ	300		6.332.232.365.953	1.828.558.495.945
I- Nợ ngắn hạn	310		667.794.458.832	269.198.982.000
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	63.153.119.661	85.826.364.755
2. Phải trả người bán	312		244.393.594.839	33.214.132.819
3. Người mua trả tiền trước	313		26.528.464.216	5.795.404.050
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	18.569.036.245	32.094.444.941
5. Phải trả người lao động	315		86.536.081.559	88.355.092.826
6. Chi phí phải trả	316	15	427.805.607	-
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	155.403.429.184	8.154.159.621
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		72.782.927.521	15.759.382.988
II- Nợ dài hạn	330		5.664.437.907.121	1.559.359.513.945
1. Phải trả dài hạn khác	333		43.450.308.562	383.864.974
2. Vay và nợ dài hạn	334	17	5.527.235.037.915	1.465.112.640.591
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		93.752.560.644	93.863.008.380
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.003.176.170.259	2.224.855.270.770
I- Vốn chủ sở hữu	410	18	2.003.176.170.259	2.224.675.270.770
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.113.580.694.225	1.113.580.694.225
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	203.970.600
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(4.452.770.635)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		890.190.909.616	523.009.551.382
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		887.904.010	202.414.890.092
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(3.666.865.671)	387.735.407.026
7. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		2.183.528.080	2.183.528.080
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	180.000.000
1. Nguồn kinh phí	432	19	-	180.000.000
C LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		29.629.080.171	25.896.009.179
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		8.365.037.616.384	4.079.309.775.894

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
1. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công	002			34.911.705.684
2. Nợ khó đòi đã xử lý	004			
3. Ngoại tệ các loại <i>Đô la Mỹ</i>	005		3.216.004.029	3.216.004.029
			49.064,56	314.557



Thu Nga

Nguyễn Thu Nga

Người lập biểu

Bắc Giang, ngày 15 tháng 3 năm 2014

Ku

Hà Xuân Hán

Kế toán trưởng

Đỗ Doãn Hùng

Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013		Năm 2012
			VND		VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	1.863.945.318.319		2.009.624.712.168
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	21	1.863.945.318.319		2.009.624.712.168
4. Giá vốn hàng bán	11	22	1.522.565.591.716		1.562.266.280.875
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		341.379.726.603		447.358.431.293
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	107.909.386.393		170.160.749.475
7. Chi phí tài chính	22	24	33.263.901.738		10.546.766.242
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		23	7.306.716.362		706.815.676
8. Chi phí bán hàng	24		18.474.928.137		22.691.643.529
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		106.029.464.093		100.287.551.782
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		291.520.819.028		483.993.219.215
11. Thu nhập khác	31		7.293.110.760		18.671.841.051
12. Chi phí khác	32		6.820.350.655		4.473.970.073
13. Lợi nhuận khác	40		472.760.105		14.197.870.978
14. Phần (Lãi/Lỗ) thuần trong cty liên kết	45	25	1.509.461.143		1.534.071.923
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		293.503.040.276		499.725.162.116
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	73.327.194.788		124.165.569.885
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	27	489.925.720		489.925.720
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		219.685.919.768		375.069.666.511
19. Lợi ích của Cổ đông thiểu số	70				
20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông Công ty Mẹ	80		(2.090.568.499)		64.234.658
			221.776.488.267		375.005.431.853



Nguyễn Thu Nga

Người lập biểu

Bắc Giang, ngày 15 tháng 3 năm 2014

Hà Xuân Hán

Kế toán trưởng

Đỗ Doãn Hùng

Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 (theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2013	Năm 2012
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	293.503.040.276	499.725.162.116
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	42.609.799.437	42.921.528.543
- Các khoản dự phòng	03	-	(4.904.408.899)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	25.951.816.376	(130.859.047)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(57.965.614.822)	(170.160.749.475)
- Chi phí lãi vay	06	7.306.716.362	751.698.426
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay	08	311.405.757.629	368.202.371.664
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	261.866.745.685	(73.563.823.016)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	17.517.210.479	17.882.048.491
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi	11	487.520.827.211	(31.559.908.158)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(5.721.984.861)	(3.226.075.452)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(238.587.462.039)	(75.274.761.857)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(94.014.650.375)	(144.209.487.687)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	8.825.438.048	168.617.264.027
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(59.300.177.113)	(265.987.414.422)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	689.511.704.664	(39.119.786.410)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH	21	(5.076.953.356.554)	(450.776.045.603)
2. Tiền thu từ TL, nhượng bán TSCĐ và các TSDH	22	597.230.181	5.549.714.231
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đv	23	(318.000.000.000)	(433.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của	24	308.000.000.000	556.500.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được	27	105.122.490.991	191.368.607.785
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(4.981.233.635.382)	(130.357.723.587)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31	2.330.000.000	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	4.150.753.736.152	271.336.956.609
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(111.304.583.922)	(78.750.165.787)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(181.208.022.600)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	3.860.571.129.630	192.586.790.822
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(431.150.801.088)	23.109.280.825
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.432.444.224.800	1.409.249.370.493
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61	154.471.616	85.573.482
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	1.001.447.895.328	1.432.444.224.800

Nguyễn Thu Nga

Nguyễn Thu Nga
 Người lập biểu
 Bắc Giang, ngày 15 tháng 3 năm 2014

Hà Xuân Hán

Hà Xuân Hán
 Kế toán trưởng



Đỗ Doãn Hùng
 Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính hợp nhất)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc tiền thân là công ty Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc được thành lập theo Quyết định số 38/2006/QĐ-BCN ngày 20 tháng 10 năm 2006 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH Một thành viên với mã số doanh nghiệp là 2400120344 cấp lần đầu ngày 21 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 12/04/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp.

Vốn điều lệ của công ty là: 2.000.000.0000 đồng (Hai nghìn tỷ đồng)

Công ty có trụ sở chính tại đường Trần Nguyên Hãn, phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH Một thành viên với mã số doanh nghiệp là 2400120344 cấp lần đầu ngày 21 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ mười ngày 12 tháng 04 năm 2013, ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất, mua bán phân đạm urê;
- Sản xuất, mua bán phân hỗn hợp NPK;
- Sản xuất, mua bán hóa chất cơ bản;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Quản lý, vận hành lưới điện phân phối trong phạm vi Công ty Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc quản lý có cấp điện áp từ 35Kv trở xuống;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng;
- Sản xuất NH3 lỏng, các sản phẩm khí công nghiệp Các bon đi ô xít (lỏng, rắn);
- Mua bán phân đạm U rê, phân hỗn hợp, NPK, hóa chất cơ bản, NH3 lỏng, các sản phẩm khí công nghiệp, Các bon đi ô xít; Các sản phẩm hóa chất và phân bón;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại (Chi tiết: sản xuất mua bán hàng cơ khí)
- Xuất nhập khẩu các sản phẩm hóa chất và phân bón./.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

Công ty có 1 Công ty con tại thời điểm 31/12/2013 được hợp nhất

Tên giao dịch	Trụ sở
Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng phát Hà Bắc	Phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ	64,56%
Quyền biểu quyết của công ty mẹ	64,56%

Công ty có 1 Công ty liên kết tại thời điểm 31/12/2013 được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

Tên giao dịch	Trụ sở
Công ty Cổ phần XNK Phân bón Bắc Giang	Thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
Tỷ lệ lợi ích	36%
Quyền biểu quyết	36%

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa công ty Mẹ và Công ty Con được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính hợp nhất)

của Bộ Tài chính về hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành cùng với các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Ngoại tệ

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính "Quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp". Theo đó, đối với việc thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh theo quy định của pháp luật; đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại Công ty Con, khi tài sản cố định hoàn thành đầu tư xây dựng đưa vào sử dụng thì chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng (sau khi bù trừ số chênh lệch tăng và chênh lệch giảm) được phân bổ dần vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính, thời gian phân bổ không quá 5 năm kể từ khi công trình đưa vào hoạt động.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được kế toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(Tiếp theo)

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính hợp nhất)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt, chạy thử.

Đối với các TSCĐ được bàn giao từ đầu tư xây dựng trong năm hoàn thành nhưng chưa được phê duyệt quyết toán, giá trị ghi tăng nguyên giá TSCĐ là chi phí thực hiện đầu tư tính đến thời điểm bàn giao. Khi giá trị công trình được duyệt, nguyên giá TSCĐ sẽ được điều chỉnh theo giá trị quyết toán.

Khấu hao TSCĐ được trích theo phương pháp đường thẳng theo quy định tại thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Tại Công ty Con đang tạm tăng TSCĐ Hữu hình Công trình “*Dây chuyền sản xuất nước Oxy gia công suất 10.000 tấn/năm, nồng độ 50%*” do đã hoàn thành và đưa vào sử dụng. Hiện nay Công ty Con đang lập hồ sơ quyết toán, theo đó nguyên giá được phản ánh trong báo cáo tài chính kèm theo là Nguyên giá tạm tính với số tiền là 199.175.723.145 đồng và thời gian khấu hao ước tính là 15 năm.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài phần lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần vốn chủ sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo kết quả kinh doanh của công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát tài sản và tài sản đồng kiểm soát được công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như các hoạt động kinh doanh thông thường khác

Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính hợp nhất)

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

Chi phí khác:

Chi phí khác phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được điều chỉnh theo phê duyệt quyết toán hàng năm của Tập đoàn.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Công ty đang phân phối lợi nhuận theo Thông tư số 220/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính hợp nhất)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính hợp nhất)

cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các công ty cùng thuộc tập đoàn, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	2.214.007.125	2.683.046.272
Tiền gửi ngân hàng	65.622.888.203	62.150.178.528
Các khoản tương đương tiền	933.611.000.000	1.367.611.000.000
Cộng	1.001.447.895.328	1.432.444.224.800

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	10.000.000.000	
Cộng	10.000.000.000	-

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải thu khác		
<i>Điện chưa viết hóa đơn</i>	325.121.855	1.311.633.879
<i>Thuế TN cá nhân</i>	562.220.771	1.765.266.535
<i>Công ty CP tài chính Hóa chất</i>	318.333.333	2.136.388.889
<i>Ngân hàng CT Bắc Giang</i>	2.581.944.444	4.432.916.666
<i>Ngân hàng Sài gòn CN Bắc Ninh</i>	216.666.667	
<i>Ngõn hàng Nam Việt CN Bắc Giang</i>	124.583.333	
<i>NH Bưu điện Liên Việt- CN Thăng long</i>	217.777.778	8.888.889
<i>NH Indovina -Chi nhánh Hà Nội</i>	93.678.689	168.621.640
<i>NH Ngoại thương Bắc Giang</i>	515.555.556	15.555.556
<i>Thuế nhà thầu của BQL Dự án</i>	3.444.297.388	640.669.280
<i>Chi phí đền bù chưa quyết toán với NSNN</i>	1.868.806.742	
<i>Phải thu CQ BHXH tiền chế độ NLD</i>	18.968.836	
<i>Thuế GTGT nhà thầu</i>	86.355.602	
<i>Khác</i>	967.187.342	977.286.987
Cộng	11.341.498.336	11.457.228.321

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	283.705.624.703	347.153.930.108
Công cụ, dụng cụ	1.274.653.876	1.370.604.155
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.554.581.006	5.337.541.561
Thành phẩm	158.240.021.421	109.430.015.661
Cộng giá gốc hàng tồn kho	445.774.881.006	463.292.091.485
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	445.774.881.006	463.292.091.485

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Dụng cụ Quản lý	TSCĐ Khác	Cộng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2013	142.205.815.108	720.468.883.264	25.946.517.806	5.802.056.371	497.526.810	894.920.799.359
Tăng trong năm	33.390.634.881	179.163.320.656	-	-	-	212.553.955.537
Mua trong năm	47.200.000	8.583.718.132	-	-	-	8.630.918.132
Đầu tư XDCB hoàn thành	33.343.434.881	170.579.602.524	-	-	-	203.923.037.405
Giảm trong năm	700.268.815	5.686.818.517	-	-	-	6.387.087.332
Giảm khác	700.268.815	5.686.818.517	-	-	-	6.387.087.332
Số dư tại 31/12/2013	174.896.181.174	893.945.385.403	25.946.517.806	5.802.056.371	497.526.810	1.101.087.667.564
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2013	99.484.251.337	699.689.137.475	24.396.784.482	5.758.849.300	221.743.894	829.550.766.488
Tăng trong năm	13.328.516.274	24.151.761.068	1.549.733.324	17.878.788	217.920.678	39.265.810.132
Khấu hao trong năm	13.328.516.274	24.151.761.068	1.549.733.324	17.878.788	217.920.678	39.265.810.132
Giảm trong năm	699.029.134	5.598.892.186	-	-	-	6.297.921.320
Giảm khác	699.029.134	5.598.892.186	-	-	-	6.297.921.320
Số dư tại 31/12/2013	112.113.738.477	718.242.006.357	25.946.517.806	5.776.728.088	439.664.572	862.518.655.300
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2013	42.721.563.771	20.779.745.789	1.549.733.324	43.207.071	275.782.916	65.370.032.871
Tại 31/12/2013	62.782.442.697	175.703.379.046	-	25.328.283	57.862.238	238.569.012.264
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:						796.716.352.145

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính hợp nhất)

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm quản lý	Cộng
NGUYỄN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2013	2.901.275.000	2.901.275.000
Tăng trong năm	3.891.800.000	3.891.800.000
Mua trong năm	3.891.800.000	3.891.800.000
Giảm trong năm	28.500.000	28.500.000
Thanh lý	28.500.000	28.500.000
Số dư tại 31/12/2013	6.764.575.000	6.764.575.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2013	2.000.471.250	2.000.471.250
Tăng trong năm	3.343.989.305	3.343.989.305
Khấu hao trong năm	3.343.989.305	3.343.989.305
Giảm trong năm	28.500.000	28.500.000
Thanh lý, nhượng bán	28.500.000	28.500.000
Số dư tại 31/12/2013	5.315.960.555	5.315.960.555
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2013	900.803.750	900.803.750
Tại 31/12/2013	1.448.614.445	1.448.614.445

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Nội dung	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
XDCB dở dang các công trình, hạng mục:	6.515.462.078.248	1.706.273.165.291
<i>Dự án tái định cư</i>	57.681.887.664	43.807.217.436
<i>Dự án mở rộng nhà máy phân đạm Hà bắc</i>	6.455.525.816.929	1.460.719.708.447
<i>Hệ thống làm lạnh máy băng trục vít</i>	1.276.233.433	
<i>Dự án Hệ thống thông tin Quản trị ERP</i>		9.974.879.628
<i>Dự án Công trình dây chuyền sản xuất nước Oxy ξ</i>	-	190.677.203.111
<i>Công trình khác</i>	978.140.222	1.094.156.669
Cộng	6.515.462.078.248	1.706.273.165.291

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính hợp nhất)

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2013			01/01/2013	
	% vốn điều lệ	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết Cty CP XNK Phân bón Bắc Giang (*)	36%	342.000	3.561.461.143	342.000	5.621.097.203
Đầu tư dài hạn khác					
- Đầu tư vào cổ phiếu Vietinbank		873.698	11.528.500.000	873.698	11.528.500.000
- Đầu tư Cty Tài chính CP Hóa chất	2%	608.000	12.000.000.000	608.000	12.000.000.000
Tổng		1.823.698	27.089.961.143	1.823.698	29.149.597.203

Thông tin bổ sung

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích tại ngày 31/12/2013	Tỷ lệ quyền biểu quyết tại ngày 31/12/2013	Hoạt động kinh doanh chính
Cty CP XNK Phân bón Bắc Giang	Bắc Giang	36,00%	36,00%	Sản xuất phân bón

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Chi phí trả trước dài hạn khác <i>Chênh lệch tỷ giá sau đầu tư</i>	8.814.838.048	
Cộng	8.814.838.048	-

12. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	2.939.554.325	3.429.480.045
Cộng	2.939.554.325	3.429.480.045

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính hợp nhất)

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay ngắn hạn	14.496.851.661	18.434.489.583
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam- Chi nhánh Bắc Giang (*)	7.789.976.661	8.755.247.488
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam- Chi nhánh Bắc Giang (*)	6.706.875.000	9.679.242.095
Nợ dài hạn đến hạn trả	48.656.268.000	67.391.875.172
Cộng	63.153.119.661	85.826.364.755

(*) Khoản vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Giang và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Giang; thời hạn vay cho các khế ước nhận nợ là từ 4 tháng, lãi suất bình quân năm từ 9,5% đến 12% năm, mục đích bổ sung vốn lưu động. Cho vay có tài sản đảm bảo.

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	344.763.788
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.426.298.771	27.255.145.212
Thuế thu nhập cá nhân	582.133.580	1.768.392.637
Thuế tài nguyên	135.432.465	131.099.472
Các loại thuế khác	10.425.171.429	2.595.043.832
Cộng	18.569.036.245	32.094.444.941

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí phải trả khác		
Chi phí lãi vay phải trả	161.997.607	
Khác	265.808.000	
Cộng	427.805.607	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính hợp nhất)

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	954.751.924	2.546.845.180
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.301.797.399	1.530.176.547
Các khoản phải trả, phải nộp khác	153.146.879.861	4.077.137.894
Các quỹ của CB nhân viên đóng góp	1.735.214.499	1.828.587.474
Lợi nhuận phải nộp về Tập đoàn HCVN	149.996.497.513	
Cổ tức phải trả	581.592.280	1.690.881.094
Chi phí chạy thử chờ quyết toán	218.870.668	218.870.668
Tạm nhập kho nguyên vật liệu	121.156.671	75.412.846
Các khoản phải trả, phải nộp khác	493.548.230	263.385.812
Cộng	155.403.429.184	8.154.159.621

17. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay ngân hàng	5.300.875.187.915	1.196.169.014.591
Ngân hàng TMCP Công thương BG và các NH đồng tài trợ (a)	2.154.252.046.310	971.257.047.965
Ngân hàng Phát triển Việt Nam (b)	3.031.113.000.000	124.986.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Bắc Giang (c)	54.691.054.644	50.693.652.822
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam- Chi nhánh Bắc Giang (d)	60.819.086.961	49.232.313.804
Vay đối tượng khác	12.490.000	12.490.000
Nợ dài hạn khác (e)	226.347.360.000	268.931.136.000
Cộng	5.527.235.037.915	1.465.112.640.591

(a) Vay dài hạn ngân hàng Công thương Việt Nam chi nhánh Bắc Giang

Hợp đồng tín dụng số : 02.68/2010/HĐTĐ ngày 6/8/2010

Số tiền vay : 30.000.000 USD

Mục đích vay : Đầu tư Dự án cải tạo-mở rộng nhà máy Phân đạm Hà Bắc

Thời hạn vay : 13 năm

Lãi suất : Theo quy định của ngân hàng tại từng thời điểm.

Đảm bảo tiền vay : Tài sản hình thành từ vốn vay

Vay dài hạn ngân hàng Công thương Việt Nam chi nhánh Bắc Giang và các ngân hàng đồng tài trợ (Indovina, Á châu, CATHAY UNITED)

Hợp đồng tín dụng số : 01.68/2010/HĐTĐ ngày 6/8/2010

Số tiền vay : 192.000.000 USD

Mục đích vay : Đầu tư Dự án cải tạo-mở rộng nhà máy Phân đạm Hà Bắc

Thời hạn vay : 13 năm

Lãi suất : Theo quy định của ngân hàng tại từng thời điểm.

Đảm bảo tiền vay : Tài sản hình thành từ vốn vay

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(Tiếp theo)

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính hợp nhất)

(b) Hợp đồng tín dụng số: Số: 45 /2008/HĐTĐĐT- NHPT ngày 11/9/2008
Số tiền vay : 4.125 tỷ đồng
Mục đích vay : Đầu tư Dự án cải tạo-mở rộng nhà máy Phân đạm Hà Bắc
Thời hạn vay : 12 năm
Lãi suất : Theo quy định của ngân hàng tại từng thời điểm
Đảm bảo tiền vay : Tài sản hình thành từ vốn vay

(c) Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Giang theo hợp đồng số 0001-018-01/HĐTĐ ngày 15 tháng 7 năm 2010; tổng số tiền vay theo hợp đồng là 4,299,000 USD; mục đích vay: đầu tư dự án xây dựng dây chuyền sản xuất nước Ôxy già công suất 10.000 tấn/năm nồng độ 50%; thời hạn vay 84 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên; lãi suất cho vay là lãi suất thả nổi và theo sự chỉ đạo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam trong từng thời kỳ theo lãi suất tiết kiệm USD trả sau kỳ hạn 12 tháng cộng 3%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay trung dài hạn USD của bên A trong từng thời kỳ; lãi suất được điều chỉnh 3 tháng 1 lần; hình thức bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

(d) Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 01/10/ĐTĐA/BG ngày 15 tháng 7 năm 2010; tổng số tiền vay theo hợp đồng là 4,478,822 USD (trong đó: khoản vay 1: 3,561,428 USD; khoản vay 2: 917,394 USD); mục đích vay: đầu tư dự án xây dựng dây chuyền sản xuất nước Ôxy già công suất 10.000 tấn /năm nồng độ 50%; thời hạn vay: thời hạn vay khoản vay 1 là 84 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên, thời hạn vay khoản vay 2 là 24 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên; lãi suất cho vay bằng lãi suất tiết kiệm USD kỳ hạn 12 tháng trả sau của bên cho vay cộng 3%/năm; lãi suất được điều chỉnh 3 tháng 1 lần; hình thức bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

(e) Hợp đồng TD số : Số: 01/ TDNN ngày 19/5/2003
Số tiền vay : 21.520.000 USD
Mục đích vay : Đầu tư cải tạo kỹ thuật nhà máy Phân đạm Hà Bắc
Thời hạn vay : Thời hạn vay 20 năm kể từ 01/07/2003
Lãi suất : 0%. Phí cho vay lại 0,2%/năm
Đảm bảo tiền vay : Tài sản hình thành từ vốn vay

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	LNST chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Cộng
Số dư tại 01/01/2012	854.537.966.196	-	(19.157.182.951)	783.153.791.161	202.539.293.362	2.125.693.388	2.183.528.080	1.825.383.089.236
Tăng trong năm	259.042.728.029	203.970.600	14.704.412.316	900.933.520	543.078.160	398.302.878.647	-	673.698.001.272
Tăng vốn năm trước	259.042.728.029			900.933.520	543.078.160			260.486.739.709
Lãi năm trước						375.005.431.853		375.005.431.853
Tăng khác		203.970.600	14.704.412.316			23.297.446.794		38.205.829.710
Giảm nguồn vốn	-	-	-	261.045.173.299	667.481.430	12.693.165.009	-	274.405.819.738
Kết chuyển nguồn vốn				259.042.728.029				259.042.728.029
Giảm khác				2.002.445.270	667.481.430	12.693.165.009		15.363.091.709
Số dư tại 31/12/2012	1.113.580.694.225	203.970.600	(4.452.770.635)	523.009.551.382	202.414.890.092	387.735.407.026	2.183.528.080	2.224.675.270.770
Số dư tại 01/01/2013	1.113.580.694.225	203.970.600	(4.452.770.635)	523.009.551.382	202.414.890.092	387.735.407.026	2.183.528.080	2.224.675.270.770
Tăng trong năm	-	-	4.452.770.635	367.181.358.234	38.478.804.588	222.743.456.572	-	632.856.390.029
Phân phối lợi nhuận năm trước				58.801.295.361	38.478.804.588			97.280.099.949
Tạm phối lợi nhuận năm nay				68.437.176.673				68.437.176.673
Lãi năm nay						221.776.488.267		221.776.488.267
Điều chỉnh theo Thông tư 220/2013/TT-BTC				239.807.792.360				239.807.792.360
LN tăng thêm năm 2012 do kết quả của thanh tra Bộ tài chính						966.968.305		966.968.305
Tăng khác			4.452.770.635	135.093.840				4.587.864.475
Giảm trong năm	-	203.970.600	-	-	240.005.790.670	614.145.729.269	-	854.355.490.539
Phân phối lợi nhuận năm trước								-
Nộp về tập đoàn						225.568.249.650		225.568.249.650
Trích Quỹ đầu tư phát triển						58.801.295.361		58.801.295.361
Trích quỹ dự phòng tài chính						38.478.804.588		38.478.804.588
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi, thưởng ban điều hành						61.925.014.197		61.925.014.197
Tạm phối lợi nhuận năm nay tại Công ty Mẹ						228.123.922.242		228.123.922.242
Điều chỉnh theo Thông tư 220/2013/TT-BTC					239.807.792.360			239.807.792.360
Giảm khác		203.970.600			197.998.310	1.248.443.231		1.650.412.141
Số dư tại 31/12/2013	1.113.580.694.225	-	-	890.190.909.616	887.904.010	(3.666.865.671)	2.183.528.080	2.003.176.170.259

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính hợp nhất)

18.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước	1.113.580.694.225	1.113.580.694.225
Cộng	1.113.580.694.225	1.113.580.694.225

18.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	1.113.580.694.225	854.537.966.196
Vốn góp tăng trong năm	-	259.042.728.029
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	1.113.580.694.225	1.113.580.694.225
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	181.208.022.600	-

18.4 Các quỹ doanh nghiệp

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Các quỹ của doanh nghiệp:		
Quỹ đầu tư phát triển	890.190.909.616	523.009.551.382
Quỹ dự phòng tài chính	887.904.010	202.414.890.092

19. NGUỒN KINH PHÍ

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Số đầu năm	180.000.000	(40.886.406)
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	(180.000.000)	(360.000.000)
Chi sự nghiệp		(580.886.406)
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	-	180.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính hợp nhất)

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Doanh thu bán hàng	1.863.826.713.236	2.009.578.341.567
Doanh thu cung cấp dịch vụ	118.605.083	46.370.601
Cộng	1.863.945.318.319	2.009.624.712.168

21. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Doanh thu thuần	1.863.945.318.319	2.009.624.712.168
Cộng	1.863.945.318.319	2.009.624.712.168

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.522.565.591.716	1.562.266.280.875
Cộng	1.522.565.591.716	1.562.266.280.875

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	105.311.865.593	168.720.749.475
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.597.520.800	1.440.000.000
Cộng	107.909.386.393	170.160.749.475

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền vay	7.306.716.362	706.815.676
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	44.882.750
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.369.000	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	25.951.816.376	9.756.273.243
Chi phí hoạt động tài chính khác	-	38.794.573
Cộng	33.263.901.738	10.546.766.242

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính hợp nhất)

25. PHÂN LẠI (LỖ) THUẬN TRONG CÔNG TY LIÊN KẾT

	Năm 2013 (VND)	Năm 2012 (VND)
Công ty CP XNK Phân bón Bắc Giang	1.509.461.143	1.534.071.923
Cộng	1.509.461.143	1.534.071.923

26. CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành Công ty Mẹ	73.327.194.788	124.122.951.896
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành Công ty Con	-	42.617.989
Cộng	73.327.194.788	124.165.569.885

27. CHI PHÍ THUẾ TNDN HOẢN LẠI

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	489.925.720	489.925.720
Cộng	489.925.720	489.925.720

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.284.561.289.988	1.272.743.647.151
Chi phí nhân công	225.984.809.574	278.826.177.977
Chi phí khấu hao tài sản cố định	42.609.799.437	42.921.528.543
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.691.930.853	35.618.272.268
Chi phí khác bằng tiền	77.488.090.841	83.431.878.828
Cộng	1.664.335.920.693	1.713.541.504.767

29. THÔNG TIN KHÁC

Công cụ tài chính

Các loại công cụ tài chính của Công ty

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(Tiếp theo)

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính hợp nhất)

Tài sản tài chính	Giá trị ghi sổ kế toán			
	31/12/2013		01/01/2013	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.001.447.895.328		1.432.444.224.800	
Đầu tư ngắn hạn	10.000.000.000		-	
Phải thu khách hàng	23.636.798.094	(158.494.500)	185.787.048.531	(158.494.500)
Các khoản phải thu khác	11.341.498.336		11.457.228.321	
Đầu tư dài hạn	23.528.500.000		23.528.500.000	
Cộng	1.069.954.691.758	(158.494.500)	1.653.217.001.652	(158.494.500)

Nợ phải trả tài chính	Giá trị ghi sổ kế toán			
	31/12/2013		01/01/2013	
	VND		VND	
Vay và nợ	5.590.388.157.576		1.550.939.005.346	
Phải trả người bán	244.393.594.839		33.214.132.819	
Chi phí phải trả	427.805.607		-	
Các khoản phải trả khác	198.853.737.746		8.538.024.595	
Cộng	6.034.063.295.768		1.592.691.162.760	

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, không bao gồm các khoản trích lập dự phòng phải thu.

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của Công ty.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về tỷ giá, lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về tỷ giá

Do có các giao dịch vay và nợ có gốc ngoại tệ, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Rủi ro này được Công ty quản lý thông qua các biện pháp như: duy trì hợp lý cơ cấu vay ngoại tệ và nội tệ, tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo lãi suất của thị trường. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính hợp nhất) tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc một đối tác không đáp ứng được nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tính hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhân rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó.

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Từ 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 31/12/2013	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ	63.153.119.661	115.510.141.605	5.411.724.896.310	5.590.388.157.576
Phải trả người bán	244.393.594.839			244.393.594.839
Chi phí phải trả	427.805.607			427.805.607
Các khoản phải trả	155.403.429.184	43.450.308.562		198.853.737.746
Cộng	463.377.949.291	158.960.450.167	5.411.724.896.310	6.034.063.295.768
Tại ngày 01/01/2013				
Vay và nợ	85.826.364.755	99.925.966.626	1.365.186.673.965	1.550.939.005.346
Phải trả người bán	33.214.132.819			33.214.132.819
Chi phí phải trả	-			-
Các khoản phải trả	8.154.159.621	383.864.974		8.538.024.595
Cộng	127.194.657.195	100.309.831.600	1.365.186.673.965	1.592.691.162.760

Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, Công ty có phát sinh giao dịch mua hàng hóa dịch vụ và có số dư chủ yếu như sau

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung	Năm 2013 VND
Cty CP XNK phân bón Bắc Giang	Công ty Liên kết	Bán phân đạm, HC	41.908.413.544
Công ty TNHH MTV Apatit VN	Cùng Tập đoàn	Bán phân đạm	5.432.542.500
Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình	Cùng Tập đoàn	Bán phân đạm, cước v.v	1.067.452.310
Công ty Cổ phần Hóa chất Vĩnh Thịnh	Cùng Tập đoàn	Bán phân đạm	6.938.400.000
Công ty Cổ phần Hóa chất Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	Bán phân đạm	3.742.200.000
Viện Hóa học Công nghiệp Việt Nam	Cùng Tập đoàn	Mua hóa chất	2.729.668.200
Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì	Cùng Tập đoàn	Mua hóa chất	1.976.796.800
Công ty CP thiết kế CN Hóa chất	Cùng Tập đoàn	Sửa chữa	64.449.200
Cty CP phát triển Phụ gia và SP Dầu	Cùng Tập đoàn	Mua dầu mỡ	3.810.696.560

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính hợp nhất)

Số dư cuối năm khoản công nợ phải thu với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Cty CP XNK phân bón Bắc Giang	Công ty Liên kết	Bán phân đạm	61.187.549	235.747.072
Công ty TNHH MTV Apatit VN	Cùng Tập đoàn	Bán phân đạm		(4.760.070)
Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình	Cùng Tập đoàn	Bán phân đạm		(103.416.310)
Công ty CP Hóa chất Vĩnh Thịnh	Cùng Tập đoàn	Bán phân đạm	15.750.000	
Công ty Cổ phần Hóa chất Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	Bán phân đạm	(37.800.000)	(43.050.000)
Viện Hóa học CN Việt Nam	Cùng Tập đoàn	Mua hóa chất	92.950.000	92.950.000
Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì	Cùng Tập đoàn	Mua hóa chất	(393.558.000)	(260.511.900)
Công ty CP thiết kế CN Hóa chất	Cùng Tập đoàn	DV sửa chữa	(75.700.005)	(140.149.205)
Cty CP phát triển Phụ gia và SP Dầu	Cùng Tập đoàn	Mua dầu mỡ	(458.512.560)	(1.018.089.160)

Ghi chú; Số 0 thể hiện giá trị khoản phải trả

Những khoản nợ tiềm tàng

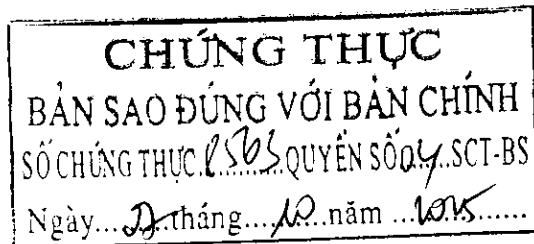
Công ty không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

Thông tin hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.



Nguyễn Thu Nga
 Nguyễn Thu Nga

Hà Xuân Hán
 Hà Xuân Hán
 Kế toán trưởng

Đỗ Doãn Hùng
 Đỗ Doãn Hùng
 Tổng Giám đốc

Người lập biểu
 Bắc Giang, ngày 15 tháng 3 năm 2014



Nguyễn Thị Hoài Châu
 PHÓ CHỦ TỊCH
 Nguyễn Thị Hoài Châu